

Số: 07 /2015/QĐ-UBND

Bến Tre, ngày 23 tháng 3 năm 2015

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 02/2011/QĐ-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định số lượng, chức vụ, chức danh, chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức và những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn; ấp, khu phố trên địa bàn tỉnh Bến Tre**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

Căn cứ Luật Tổ chức-Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 03/2010/TTLT-BNV-BTC-BLĐTB&XH ngày 27 tháng 5 năm 2010 của Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị quyết số 19/2014/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc bổ sung Nghị quyết số 22/2010/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre về quy định số lượng, các chức danh, chế độ chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn; ấp, khu phố trên địa bàn tỉnh Bến Tre;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 475/TTr-SNV ngày 19 tháng 3 năm 2015,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 4 Quy định về số lượng, chức vụ, chức danh, chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức và những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn; ấp, khu phố trên địa bàn tỉnh Bến Tre, ban hành kèm theo Quyết định số 02/2011/QĐ-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre như sau:

“b) Chức danh:

- Cán bộ Tổ chức Đảng uỷ.
- Cán bộ Kiểm tra Đảng uỷ.
- Cán bộ Tuyên giáo Đảng uỷ.
- Cán bộ Văn phòng Đảng uỷ.
- Phó Trưởng Công an xã (nơi không có lực lượng công an chính quy); xã, phường, thị trấn loại 1, 2 bố trí thêm 01 Phó Trưởng Công an xã.
- Phó Chỉ huy trưởng Quân sự.
- Cán bộ Kinh tế - kế hoạch (bố trí xã loại 3).
- Văn thư - lưu trữ - thủ quỹ.
- Cán bộ phụ trách đài truyền thanh.
- Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.
- Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam kiêm Trưởng ban Thanh tra nhân dân.
- Phó Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.
- Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam.
- Phó Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam (áp dụng đối với xã, thị trấn có hoạt động nông, lâm, ngư, diêm nghiệp và có tổ chức Hội Nông dân Việt Nam). Phường không có Hội Nông dân Việt Nam bố trí Chủ tịch Nghiệp đoàn lao động.
- Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh.
- Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ.
- Chủ tịch Hội Người cao tuổi.
- Cán bộ đô thị và môi trường (bố trí thị trấn, phường loại 3).
- Quản lý nhà nước về công tác trẻ em, giảm nghèo và xã hội”.

**Điều 2.** Giao Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực sau 10 (mười) ngày kể từ ngày ký ban hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Website Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Cục KTVBQPPL-Bộ Tư pháp;
- TT TU, TT HĐND tỉnh (báo cáo);
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Các ban Đảng tỉnh;
- Các sở, ban ngành, đoàn thể tỉnh;
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra);
- Báo Đồng khởi, Đài PT-TH tỉnh;
- Phòng NCTH, VHXX;
- Ban Tiếp công dân, Website tỉnh;
- TT Thông tin Điện tử tỉnh (02 bản);
- Lưu VT.



**Võ Thành Hạo**